TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI - TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 3 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:575/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Ấp L V, xã Quách P B, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí M, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp T H, xã N C, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Tuyết H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh M kết hôn vào ngày 25/3/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q P B, huyện Đ D, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hạnh N, sinh ngày 05/11/2011 và Nguyễn Phúc N, sinh ngày 30/11/2014. Hiện đang sống với chị H, khi ly hôn chị H xin nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Chí M: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh M theo quy định pháp luật nhưng anh M vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Tuyết H có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm và anh Nguyễn Chí M đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh M vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thấy rằng, từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh M biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh M không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H xem như anh M đã đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng, tại đơn khởi kiện chị H xác định mâu thuẫn của anh, chị đã được hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thể tiếp tục chung sống, mặt khác chị H xác định không còn tình cảm với anh M. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị Nguyễn Tuyết H được ly hôn với anh Nguyễn Chí M.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu xin nuôi hai con của chị H thấy rằng, tại biên bản ghi nguyện vọng cháu Nguyễn Hạnh N thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống với chị H. Do đó, cần giao cháu Hạnh N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Nguyễn Phúc N, sinh năm 2014 từ ngày chị H và anh M ly thân cho đến nay, cháu Phúc N do chị H nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, cần giao cháu Phúc N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi không đặt ra.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Tuyết H xác định tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Chị Nguyễn Tuyết H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Tuyết H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Tuyết H. Cho chị Nguyễn Tuyết H được ly hôn với anh Nguyễn Chí M.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Hạnh N, sinh ngày 05/11/2011 và Nguyễn Phúc N, sinh ngày 30/11/2014 cho chị Nguyễn Tuyết H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Nguyễn Chí M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Tuyết H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Tuyết H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17 tháng 12 năm 2019 chị Nguyễn Tuyết H đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0010080 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

Chị Nguyễn Tuyết H và anh Nguyễn Chí M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đ D;
- UBND xã Q P B, huyện Đ D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.